

Số: /HD-SNV

Lạng Sơn, ngày tháng 12 năm 2025

HƯỚNG DẪN

**Thực hiện quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
theo Nghị định số 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 của Chính phủ**

Ngày 07/8/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 219/2025/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (*gọi tắt là Nghị định số 219*), có hiệu lực từ ngày ký và quy định các nội dung tại Nghị định số 152/2020/NĐ-CP, Nghị định số 70/2023/NĐ-CP¹ hết hiệu lực thi hành;

Căn cứ Quyết định số 90/2025/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc cho người sử dụng lao động có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại tỉnh Lạng Sơn.

Để các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh có sử dụng lao động nước ngoài (*gọi chung là đơn vị*) thực hiện đúng quy định pháp luật, Sở Nội vụ hướng dẫn quy trình thực hiện các thủ tục liên quan đến người lao động nước ngoài (NLĐNN) làm việc tại tỉnh Lạng Sơn như sau:

I. QUY TRÌNH SỬ DỤNG NLĐNN:

Bước 1. Thông báo tuyển dụng lao động trước khi sử dụng người lao động nước ngoài:

Các đơn vị có nhu cầu sử dụng NLĐNN trên địa bàn tỉnh thực hiện thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí dự kiến tuyển dụng NLĐNN theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Bộ luật Lao động trong thời gian **trước ít nhất 05 ngày** tính đến thời điểm nộp hồ sơ giải trình nhu cầu và cấp/cấp lại/gia hạn Giấy phép lao động (GPLĐ) với Sở Nội vụ.

Hình thức thông báo: thông báo trực tiếp tại đơn vị hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động để tuyển dụng lao động theo nhu cầu của đơn vị.

Bước 2. Sau khi thông báo tuyển dụng, nếu không tuyển được lao động vào vị trí dự kiến sử dụng NLĐNN, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) có liên quan về NLĐNN như sau:

(1) Thực hiện xác nhận NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ:

¹ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam

NLĐNN là đối tượng không thuộc diện cấp GPLĐ theo Điều 7 Nghị định số 219, thì trong thời hạn 60 ngày và không ít hơn 10 ngày tính đến ngày NLĐNN dự kiến làm việc, đơn vị nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ.

** Hồ sơ thực hiện TTHC (theo Điều 8 Nghị định số 219)*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 219;

- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp. Đối với giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế nước ngoài cấp, được sử dụng trong trường hợp Việt Nam và quốc gia hoặc vùng lãnh thổ cấp giấy khám sức khỏe có điều ước hoặc thỏa thuận quốc tế, giấy khám được sử dụng không quá 12 tháng kể từ ngày cấp (*gọi tắt là Giấy khám sức khỏe*);

- Hộ chiếu còn thời hạn;

- 02 ảnh màu (4cm x 6cm, nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính);

- Giấy tờ chứng minh NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động. (*khoản 8 Điều 7 Nghị định 219*).

(2) Thực hiện cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ (theo Điều 11 Nghị định số 219) trong các trường hợp sau:

- Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ còn thời hạn bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được;

- Thay đổi nội dung: họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc, đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động đó.

** Hồ sơ thực hiện TTHC:*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 219;

- Giấy tờ chứng minh việc thay đổi nội dung để cấp lại giấy xác nhận;

- Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ còn thời hạn, trừ trường hợp bị mất.

(3) Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ (theo Điều 15 Nghị định số 219) trong các trường hợp sau:

- Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn;

- Giấy tờ chứng minh NLĐNN tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung GPLĐ đã được cấp.

- Trước ít nhất 10 ngày nhưng không quá 45 ngày trước ngày GPLĐ hết hạn, người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị gia hạn GPLĐ cho Sở Nội vụ đã cấp GPLĐ đó.

** Hồ sơ thực hiện TTHC*

- Văn bản đề nghị của người sử dụng lao động theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 219;
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;
- Giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ còn thời hạn đã được cấp;
- Hộ chiếu còn thời hạn;
- Giấy tờ chứng minh NLĐNN không thuộc diện cấp GPLĐ là một trong các giấy tờ tại điểm a, b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 219.

(4) Cấp GPLĐ (theo Điều 18 Nghị định số 219), trong các trường hợp:

- NLĐNN làm việc tại Việt Nam theo một trong các hình thức tại *khoản 1, Điều 2 Nghị định số 219*.
- Người sử dụng lao động bao gồm doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, nhà thầu, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân được phép hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật. *(theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 219)*.

** Hồ sơ thực hiện TTHC (Điều 18 Nghị định số 219):*

- Văn bản của người sử dụng lao động theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 219;
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;
- Hộ chiếu còn thời hạn;
- Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản xác nhận người lao động nước ngoài không phải là người đang trong thời gian chấp hành hình phạt hoặc chưa được xóa án tích hoặc đang trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự của nước ngoài hoặc của Việt Nam cấp không quá 06 tháng, trừ trường hợp liên thông thủ tục hành chính về cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 219;
- 02 ảnh màu (4cm x 6cm, nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính);
- Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của người lao động nước ngoài *(khoản 6 Điều 18 Nghị định số 219)*;
- Giấy tờ chứng minh là nhà quản lý, giám đốc điều hành, chuyên gia, lao động kỹ thuật *(Điều 19 Nghị định số 219)*

(5) Cấp lại GPLĐ (theo Điều 23 Nghị định số 219) trong các trường hợp:

- + GPLĐ còn thời hạn bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được;
- + Thay đổi nội dung: họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc, đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động đó.

** Hồ sơ thực hiện TTHC (Điều 24 Nghị định số 219)*

- Văn bản đề nghị cấp lại của người sử dụng lao động theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 21;
- 02 ảnh màu (4cm x 6cm, nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính);
- Giấy tờ chứng minh nội dung cần thay đổi;
- Giấy phép lao động còn thời hạn, trừ trường hợp bị mất theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này.

(6) Gia hạn GPLĐ (theo Điều 27, 28, 29 Nghị định số 219), trong các trường hợp:

- Giấy phép lao động đã được cấp còn thời hạn ít nhất 10 ngày nhưng không quá 45 ngày.
- Được cơ quan có thẩm quyền xem xét chấp thuận nhu cầu và thực hiện gia hạn GPLĐ (theo Điều 27 và 28 Nghị định số 219).
- Giấy tờ chứng minh NLĐNN tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động theo nội dung GPLĐ đã được cấp.

Trường hợp quy định tại khoản 4, 5, 6, 8 Điều 154 của Bộ luật Lao động² và khoản 2, 3, 5, 8, 10 và điểm a khoản 13 Điều 7 Nghị định này³ thì **không phải làm thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ nhưng phải thông báo tới Sở Nội vụ** nơi NLĐNN dự kiến làm việc thông tin: họ và tên, ngày tháng năm sinh, số quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, địa điểm làm việc và thời hạn làm việc trước ít nhất 3 ngày làm việc, kể từ ngày NLĐNN dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam (theo khoản 4 Điều 9 Nghị định số 219)

Trường hợp NLĐNN làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày NLĐNN bắt đầu làm việc, người sử dụng lao động phải thông báo về cơ quan có thẩm quyền thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi GPLĐ và giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ theo quy định của pháp luật nơi đơn vị đặt trụ sở chính mà NLĐNN đến làm việc (theo khoản 5 Điều 9 Nghị định số 219).

** Hồ sơ thực hiện TTHC (Điều 27 Nghị định số 219)*

² Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ/ Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp nảy sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được/ Là luật sư nước ngoài đã được cấp giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư/ Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

³ Là chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên/ Là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị của công ty cổ phần có giá trị góp vốn từ 3 tỷ đồng trở lên/ Phóng viên nước ngoài hoạt động thông tin báo chí được Bộ Ngoại giao xác nhận Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 2 Nghị định này/ Thân nhân thành viên cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam được phép làm việc tại Việt Nam theo quy định tại điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên/ Người chịu trách nhiệm thành lập hiện diện thương mại/ Vào Việt Nam làm việc có tổng thời gian dưới 90 ngày trong 01 năm, tính từ 01 tháng 01 đến ngày cuối cùng của năm

+ Văn bản đề nghị gia hạn của người sử dụng lao động theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 219;

+ 02 ảnh màu (4cm x 6cm, nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính);

+ Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

+ Hộ chiếu còn thời hạn;

+ Giấy phép lao động còn thời hạn đã được cấp;

+ Giấy tờ chứng minh hình thức làm việc của NLĐNN

(7) Cấp giấy phép đối với một số trường hợp đã được cấp GPLĐ
(Điều 20 Nghị định số 219)

- NLĐNN đã được cấp GPLĐ đang còn hiệu lực, có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động khác ở cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc thì phải **thực hiện thủ tục cấp GPLĐ**;

- NLĐNN đã được cấp GPLĐ đang còn hiệu lực có nhu cầu thay đổi vị trí công việc hoặc hình thức làm việc nhưng không thay đổi người sử dụng lao động thì phải **làm thủ tục cấp GPLĐ mới**;

- NLĐNN đã được gia hạn GPLĐ, có nhu cầu tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động tại cùng vị trí công việc và lĩnh vực làm việc phải **thực hiện thủ tục cấp GPLĐ**.

II. QUY ĐỊNH VỀ HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ VÀ CHỨNG THỰC CÁC GIẤY TỜ (theo Điều 5 Nghị định số 219)

1. Các giấy tờ trong hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ và giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ đối với NLĐNN nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy tờ là bản sao phải được chứng thực với bản gốc trước khi dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật.

III. CÁC HÌNH THỨC NỘP HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Người sử dụng lao động có nhu cầu sử dụng NLĐNN thực hiện nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (đường Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn) theo một trong các hình thức sau:

- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;

- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;

- Tiếp nhận hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐƠN VỊ KHI SỬ DỤNG NLĐNN

1. Khi sử dụng NLĐNN

- Đơn vị có trách nhiệm sử dụng NLĐNN đúng với các nội dung ghi trong GPLĐ hoặc giấy xác nhận đã được cấp.

- Sau khi ký kết hợp đồng lao động với NLĐNN thì người sử dụng lao động phải gửi 01 bản hợp đồng (*hợp đồng dưới dạng ngôn ngữ Tiếng Việt hoặc dịch song ngữ*) cho Sở Nội vụ để theo dõi, quản lý.

- Nếu sử dụng NLĐNN liên tục từ đủ 12 tháng trở lên, người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc cho NLĐNN đó theo khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, trừ những trường hợp tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội (GPLĐ hết hiệu lực theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ luật Lao động⁴.)

- Đơn vị thực hiện Báo cáo sử dụng NLĐNN với Sở Nội vụ qua hình thức thư điện tử⁵ hoặc bưu chính công ích, định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có văn bản yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

2. Khi đơn vị không còn sử dụng NLĐNN:

- Trong 15 ngày kể từ ngày GPLĐ hết hiệu lực, người sử dụng lao động thu hồi lại GPLĐ của NLĐ nộp cho Sở Nội vụ, kèm theo văn bản nêu rõ lý do thu hồi, trường hợp không thu hồi được phải nêu rõ lý do (*theo Điều 30, 31 Nghị định số 219*).

- Người sử dụng lao động hoặc NLĐNN không thực hiện đúng quy định về sử dụng NLĐNN trong quá trình làm việc ở Việt Nam, không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam mà bị khởi tố, truy cứu trách nhiệm hình sự thì Sở Nội vụ ra Quyết định thu hồi GPLĐ của NLĐNN.

Sở Nội vụ đề nghị các đơn vị thực hiện đúng quy định, kịp thời phản ánh về Sở các nội dung khó khăn, vướng mắc để được hướng dẫn, giải đáp./.

Nơi nhận:

- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn;
- UBND tỉnh (để báo cáo)
- Công an tỉnh (để phối hợp);
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, LĐVL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thị Hải

⁴ Di chuyển trong nội bộ Doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về NLĐNN làm việc tại Việt Nam/ Tại thời điểm giao kết hợp đồng lao động đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của Bộ Luật Lao động/ Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

⁵ vlatld.solaodonglangson@gmail.com